

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2022

“V/v Ly hôn với người mất tích”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.
2. Ông Lê Ngọc Phi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê M, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Phan Thị Ng, sinh năm 1967.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Ông M, bà Ng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, ông Lê M trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng một thời gian ngắn thì ông Lê M và bà Phan Thị Ng mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 03-12-2014 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc mà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là mối quan hệ giữa bà Ng và các người

con riêng của ông M không tốt nên giữa vợ chồng cũng thường xuyên cãi vã nhau. Sống chung được một thời gian thì bà Ng bỏ nhà đi nhưng sau đó lại quay về. Tuy nhiên đến tháng 3-2019 thì bà Ng bỏ nhà đi cho đến nay. Nay, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông M xin được ly hôn với bà Ng.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Phan Thị Ng đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tuyên bố mất tích theo Quyết định số 16/2021/QĐDS-ST ngày 12-11-2021 vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Không có

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông M và bà Ng sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay ông M yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú cuối cùng của bà Phan Thị Ng là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông M và bà Ng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03-12-2014 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo ông M sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân là mối quan hệ giữa bà Ng với các người con riêng của ông M không tốt nên giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Đến tháng 3-2019 thì bà Ng bỏ nhà đi cho đến nay vẫn không có tin tức. Tại Quyết định số 16/2021/QĐDS-ST ngày 12-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tuyên bố bà Phan Thị Ng, sinh năm 1967 mất tích từ ngày 10-3-2019. Xét thấy, bà Ng là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu ly hôn của ông M thuộc trường hợp xin ly hôn với người mất tích do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn

nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự xử cho ông M được ly hôn với bà Ng.

[2.2] Về nuôi con chung: Không có.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng ông M là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì ông M thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê M và bà Phan Thị Ng.

2.Về nuôi con chung: Không có.

3.Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Ông Lê M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga